

Số: 09/2024/CBTT-BSGSL

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM**
 - Địa chỉ: Khối I, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
 - Mã chứng khoán: BSL
 - Điện thoại: 02388.662.662 Fax: 02388.662.664

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên 2023 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam được công bố trên trang điện tử của Công ty tại đường link sau:

<https://sasobeco.com.vn/co-dong/bao-cao-thuong-nien/2023-bao-cao-thuong-nien>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.





CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - SÔNG LAM

Trụ sở chính: Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (02388) 662 662 Website: <http://sasobeco.com.vn/>

Mã số Doanh nghiệp: 2900783332

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**
- Tên viết tắt: SASOBECO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900783332
- Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Khối 1, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 02388.662.662 Số fax: 02388.662.664
- Website: <http://sasobeco.com.vn>
- Mã cổ phiếu : BSL
- Sàn giao dịch: UPCOM

Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 20/12/2006: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 2703001077.
- Từ 2007 – tháng 6/2009 Công ty tiến hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam khu vực Rú Mượu thuộc địa bàn xã Nam Giang, huyện Nam Đàn và xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Ngày 13/07/2009: Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam được chính thức triển khai xây dựng với tổng giá trị thực hiện dự án giai đoạn 1 là 1.045 tỷ đồng, trong đó phần thiết bị trị giá 859,797 tỷ đồng. Tổng thầu thiết kế, chế tạo và xây lắp nhà máy là Công ty Kroness AG – CHLB Đức, công suất thiết kế đạt 100 triệu lít/năm và dự phòng mở rộng lên 200 triệu lít/năm.
- Ngày 12/08/2010: Sản xuất mẻ bia thương mại đầu tiên.
- Trong suốt quá trình hình thành và phát triển Công ty luôn luôn nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu, nước giải khát; mua bán nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng, và ngành nghề khác theo quy định pháp luật.
- Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý
 - + Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ. Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát. Quyết định số lượng và bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

+ Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý cấp cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại Hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

+ Ban kiểm soát: Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc.

+ Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

a. Quản lý sản xuất:

- Không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm và cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng;
- Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật các vật tư nguyên vật liệu, năng lượng tại từng công đoạn trong quá trình sản xuất; đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng;
- Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001:2018 và Phòng kiểm nghiệm được công nhận phù theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 mang lại nhiều hiệu quả cao trong công tác giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Phối hợp cùng đơn vị thương mại, vận tải giao hàng để đạt kế hoạch S&OP, giảm thời gian lưu kho bia; đồng thời phối hợp trong các hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm theo chủ trương SABECO nhằm tăng mức tiêu thụ sản phẩm tại các khu vực mà Công ty giao hàng, nâng tầm thương hiệu Bia Sài Gòn;
- Đảm bảo chất lượng đầu ra và an toàn vệ sinh thực phẩm, cam kết đưa ra thị trường các sản phẩm Bia Sài Gòn với chất lượng tốt nhất đến tay người tiêu dùng.

b. Quản lý chi phí:

- Tăng cường công tác kiểm soát ngân sách hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý và luân chuyển dòng tiền hợp lý, tiết kiệm chi phí tài chính;
- Cần trọng sử dụng đòn bẩy tài chính, hạn chế nợ vay, đảm bảo tình hình tài chính công ty ổn định, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh doanh.

c. Phát triển nguồn nhân lực:

- Tinh gọn bộ máy quản lý, củng cố sự gắn kết và nâng cao sản xuất lao động bằng cách duy trì chính sách quản lý, đánh giá hiệu quả công việc theo hệ số hoàn thành (KPIs), thực hiện cải tiến quy chế phân phối lương thưởng và phúc lợi cho người lao động;
- Thường xuyên triển khai công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng và nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự nhiệt huyết, chuyên môn cao.

d. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Chung tay cùng SABECO giữ vững và phát triển thị phần Bia Sài Gòn trong khu vực, duy trì và nâng cao chất lượng, uy tín sản phẩm mang thương hiệu Bia Sài Gòn;
- Mang lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội;
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, năng suất và chất lượng, phát triển bền vững; chú trọng đến sức khoẻ và đời sống người lao động, tạo mọi điều kiện để nhân tài gắn bó, sáng tạo và cống hiến;
- Chung tay thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường;
- Đầu tư xây dựng mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh khi điều kiện thuận lợi và theo chỉ đạo trực tiếp của SABECO.

e. Chính sách chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường và tiết kiệm năng lượng

- Trong các yêu cầu, chất lượng, an toàn thực phẩm, môi trường, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và năng lượng là yếu tố hàng đầu mang tính quyết định. Để thực hiện được điều này, Công ty cam kết cung cấp đầy đủ các nguồn lực và tổ chức triển khai thực hiện chính sách:
 - ✓ Tuân thủ đầy đủ, các yêu cầu, quy định của pháp luật và các yêu cầu khác về chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nghĩa vụ, trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với Nhà nước và xã hội.
 - ✓ Cung cấp đủ nguồn lực để vận hành, duy trì hiệu lực và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý của Công ty đảm bảo ổn định, độ tin cậy và hiệu quả ngày càng cao; Nâng cao chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, hiệu quả sử dụng năng lượng và kiểm soát môi trường, thoả mãn ngày càng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và các bên quan tâm;
 - ✓ Cung cấp nguồn lực phù hợp để ngăn chặn, giảm thiểu các rủi ro ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, con người, tài sản, môi trường và năng lượng;
 - ✓ Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, cập nhật kiến thức cho người lao động về kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, kiểm soát môi trường, tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.
 - ✓ Xây dựng và thực hiện văn hóa công ty, tạo lập môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, tất cả người lao động cùng các bên quan tâm đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ nhau cùng phát triển.
- Định kỳ xem xét và cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý, cải tiến công nghệ, thiết bị, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống để gia tăng sự thoả mãn các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

f. Hoạt động cộng đồng, xã hội:

- Không chỉ nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, CTCP Bia Sài Gòn – Sông Lam còn luôn đi đầu trong công tác an sinh xã hội. Sự phát triển của công ty không chỉ đóng góp tích cực về mặt kinh tế cho địa phương mà còn song hành cùng những hoạt động xã hội giàu ý nghĩa.
- Duy trì hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần cùng SABECO mang đến thông điệp “Bia Sài Gòn chung tay với cộng đồng”.
- Tham gia tích cực trong các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương theo sự phê duyệt và chỉ đạo của Ban truyền thông Sabeco.

5. Các rủi ro:

- Bia là sản phẩm được tiêu thụ phụ thuộc rất nhiều vào thu nhập của người dân nên các biến động trong tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự phát triển của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng.
- Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do trong suốt thời gian qua cũng góp phần gia tăng sự cạnh tranh của ngành bia trong nước, đặc biệt là phân khúc bia cao cấp có mẫu mã đẹp, thương

hiệu lớn cùng các chiến dịch quảng cáo, hậu mãi rầm rộ nhắm vào thị hiếu của người tiêu dùng.

- Do hoạt động dưới hình thức công ty đại chúng nên Công ty chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Thuế, Luật Kế toán,... Ngoài ra, do đặc thù kinh doanh sản xuất bia nên Công ty cũng phải tuân thủ các văn bản pháp luật và chính sách có liên quan như Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật phòng chống tác hại của rượu, bia. Bất cứ sự thay đổi về luật pháp có liên quan sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã ban hành một số quy định với các tiêu chuẩn khắt khe hơn đối với việc sử dụng bia rượu và đồ uống có cồn nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng và những rủi ro khi tham gia giao thông tại Việt Nam, cụ thể:

✓ Nghị định 100/2019/NĐ-CP liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính khi sử dụng bia rượu tham gia giao thông vẫn còn gây ra nhiều khó khăn và rào cản đối với các doanh nghiệp ngành bia.

- Nguyên vật liệu chính của Công ty chủ yếu là như lúa mạch, hoa houblon... Những nguyên vật liệu này phụ thuộc lớn vào nhóm ngành nông nghiệp và chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi yếu tố thời tiết, mùa vụ, lúa mạch, houblon là nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ nước ngoài, sự sụt giảm sản lượng do mất mùa và khó khăn trong logistic đã tạo ra áp lực tăng giá nguyên liệu đầu vào của Công ty, từ đó gia tăng chi phí giá vốn hàng bán và gây ảnh hưởng bất lợi đến lợi nhuận của Công ty trong năm qua.

- Xung đột chính trị giữa Nga và Ukraine gây ra nhiều hệ lụy tới kinh tế toàn cầu: Đây là yếu tố được nhắc đến nhiều nhất tới kinh tế toàn cầu năm 2022-2023, là nguyên nhân gây ra việc tăng giá năng lượng và một số hàng hóa thiết yếu cùng với tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2023, tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023		Tỷ lệ %
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1. Sản lượng sản xuất	Nghìn lít	104.000	77.916	74,92
2. Sản lượng tiêu thụ	Nghìn lít	104.000	78.030	75,03
3. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.119,63	1.627,48	76,78
4. Thuế TTĐB	Tỷ đồng	1.101,94	818,23	74,25
5. Giá vốn	Tỷ đồng	955,24	765,14	80,10
6. Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	-	-	-
7. Chi phí quản lý	Tỷ đồng	23,58	18,40	78,02
8. Lợi nhuận từ HĐKD	Tỷ đồng	46,68	39,18	83,93
9. Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,76	(0,67)	-88,16
- Lãi tiền gửi	Tỷ đồng	12,52	14,29	114,17
- Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	4,73	0,74	15,54
10. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	47,46	38,51	81,14
- Thuế TNDN	Tỷ đồng	9,96	9,09	91,33
11. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	37,50	29,61	78,96

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

Stt	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Nguyễn Hồng Anh	Giám đốc	29/04/1968	Cử nhân quản trị kinh doanh	01/09/2023
2	Ông Trần Quang Trung	Phó Giám đốc	10/06/1964	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	31/08/2023
3	Ông Văn Bá Thi	Kế toán trưởng	10/09/1978	Cử nhân kinh tế	17/04/2017

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hồng Anh chức vụ Giám đốc Công ty từ 01/09/2023.
- Ông Trần Quang Trung thôi giữ chức vụ Quyền Giám đốc Công ty từ ngày 31/08/2023 và giữ chức vụ Phó giám đốc từ 01/09/2023.
- Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - ✓ Số lao động có mặt cuối kỳ: 179 người; trong đó: nữ 55 người;
 - ✓ Lao động trong năm có biến động ít hơn so với các năm về trước, lao động nghỉ việc chiếm 3,71%. Nguồn lao động được cân đối điều chỉnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu công việc. 100% người lao động được bố trí việc làm thường xuyên, ổn định, không có tình trạng người lao động nghỉ chờ việc và nghỉ việc do không có việc làm.
- Các chế độ, chính sách đối với người lao động như tham gia Bảo hiểm xã hội theo quy định được thực hiện nghiêm túc. Người lao động được hưởng các chế độ khác từ nguồn quỹ chăm lo đời sống cho người lao động của Công ty.

c. Chính sách nhân sự:

- Thực hiện đúng nội dung của thoả ước lao động tập thể; chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về lao động tiền lương, bảo hiểm, sức khoẻ người lao động;
- Chính sách trả lương, thưởng phúc lợi rõ ràng, minh bạch và nhất quán theo chủ trương SABECO;
- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, đồng thời tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho các bộ nhân viên;

d. Kế hoạch năm 2024:

- Tiếp tục xây dựng các chính sách, quy định liên quan đến người lao động.
- Tiếp tục duy trì và đảm bảo thu nhập cho Người lao động, đặc biệt chú trọng cam kết liên quan đến chính sách lương, thưởng, bảo hiểm, phúc lợi cho nhân viên của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao tay nghề cho người lao động
- Tiếp tục duy trì môi trường làm việc năng động, sáng tạo và thân thiện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Đầu tư bổ sung, hoàn thiện:

- Dự án Đầu tư Hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 0,996 MWp tại Nhà máy Bia Sài

Gòn – Sông Lam đã hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 6/2021; đang tiến hành thủ tục Quyết toán Dự án hoàn thành.

- Dự án xây dựng Nhà văn phòng: Hiện tại Dự án tạm dừng, sẽ đầu tư vào thời điểm phù hợp.
- Dự án đầu tư Hệ thống tiết kiệm nhà nấu đang thực hiện.
- Các Dự án khác triển khai theo tiến độ của Sabeco yêu cầu.

4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023 (tỷ đồng)	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	618,46	656,93	106,22%
Doanh thu thuần	865,29	809,16	93,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	50,28	39,18	77,92%
Lợi nhuận khác	0,67	(0,67)	-99,81%
Lợi nhuận trước thuế	50,95	38,51	75,59%
Lợi nhuận sau thuế	40,50	29,61	73,11%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	7%	7%	100,00%

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)</i>	Lần	2,12	2,46
<i>Hệ số thanh toán nhanh ((Tiền + đầu tư ngắn hạn+Phải thu ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn)</i>	Lần	1,56	2,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản)</i>	%	21,16	24,01
<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Tổng nợ phải trả/Vốn CSH)</i>	%	26,84	31,60
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<i>Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)</i>	Lần	13,19	11,29
<i>Vòng quay tổng tài sản (Tổng DTT/Tổng TS bình quân)</i>	Lần	1,40	1,23
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
<i>ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)</i>	%	4,68	3,66
<i>ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)</i>	%	8,31	5,93
<i>ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản)</i>	%	6,55	4,51
<i>Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần</i>	%	5,81	4,84

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 45.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 45.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không
- Cổ đông lớn: SABECO (Sở hữu 30.950.000 CP)

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/09/23)

STT	Loại Cổ Đông	Số Lượng Cổ Đông	Số Cổ Phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	232	44.886.987	99,749%
1	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	9	34.044.067	75,653%
3	Cổ đông tư nhân	223	10.842.920	24,095%
II	Cổ đông nước ngoài	8	113.013	0,251%
1	Cá nhân	8	113.013	0,251%
2	Tổ chức	0	0	0,00%
Tổng cộng (I+II)		240	45.000.000	100,000%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Nguyên vật liệu đầu vào luôn được Công ty kiểm soát chặt chẽ, đạt tiêu chuẩn chất lượng.
- Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn thực hiện chính sách tiết kiệm nguyên vật liệu, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, giảm hao phí mức thấp nhất.
- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
 - ✓ Malt: 8.510.582 kg
 - ✓ Gạo: 2.906.326 kg
 - ✓ Hoa cao houblon: 4.675 kg
 - ✓ Lon rỗng: 184.886.849 cái tương đương 1.960 tấn (trung bình 10.6g/ lon rỗng)
 - ✓ Thùng giấy: 7.708.751 thùng tương đương 1.426 tấn (trung bình 185g/ thùng giấy).

7. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- Các biện pháp nhằm tiết kiệm năng lượng đã được thực hiện tại nhà máy như: Quản lý giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ năng lượng từ đó đưa ra các biện pháp giảm hao phí, tiết kiệm năng lượng hiệu quả, lắp đặt đồng hồ đo điện tại từng phân xưởng, lắp đặt Biến tần cho các động cơ, sử dụng đèn Led tiết kiệm điện thay thế cho đèn Halogen, lắp đặt áo nhiệt cho hệ thống hơi nóng

nhằm tiết kiệm hơi nóng, đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái, tối ưu hoá cài đặt nhiệt độ các máy thanh trùng phù hợp với thời tiết, thu hồi và tái sử dụng dịch ở công đoạn Nấu, tối ưu hoá hệ thống cấp khí nén, lắp đặt tấm cách nhiệt cho các máy thanh trùng ... Thông qua việc giám sát sử dụng năng lượng, tiết giảm hao phí và áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, công ty đã thực hiện giảm được định mức sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu so với năm 2022.

- ✓ Điện: 7.867.740 kWh
- ✓ Hơi bão hòa: 21.215 tấn

8. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- Nguồn cấp nước thô cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nguồn nước từ kênh Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Tổng lượng nước sinh hoạt đưa vào sử dụng năm 2023 là 287.507 m³.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước tái sử dụng từ nước thải đã được xử lý dùng để tưới cây, cỏ khoảng 100 m³ chiếm 0,035%, nước tái sử dụng từ nước làm mát các bơm dịch dùng để làm nước nhà vệ sinh, vệ sinh nhà xưởng khoảng 500m³ chiếm khoảng 0,17%.

9. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định;
- Công ty không bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực môi trường trong năm 2023;
- Toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ sản xuất kinh doanh đều được thu hồi đúng quy định về các kho chứa và được vận chuyển, xử lý bởi các đơn vị có đủ chức năng. Nước thải sản xuất và sinh hoạt được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chất lượng theo QCVN 40:2011, cột A, hệ số kq = 0,9 trước khi thải ra môi trường.

10. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - ✓ Số lượng lao động năm 2023 là 179 người trong đó lao động nữ 55 người.
 - ✓ Thu nhập trung bình đối với người lao động là 11.5 triệu đồng/ tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Ngoài chính sách việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định cho người lao động, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho người lao động luôn được chú trọng. Chi phí phúc lợi chăm lo đời sống người lao động năm 2023 là 2.175 tỷ đồng.
- Người lao động làm việc tại khu vực sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động. Các hoạt động tặng quà CBCNV các ngày lễ, thăm hỏi dịp thời đời sống của người lao động... luôn được duy trì và phát huy qua các năm.
- Trong thời gian học tập, người lao động được hưởng nguyên lương, được đảm bảo các quyền lợi khác.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Sự ủng hộ nhiệt tình của Lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành tại địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết sách cụ thể đảm bảo hoạt động sản xuất duy trì hiệu quả, kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát chi phí ổn định việc làm và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Sự chỉ đạo linh hoạt và toàn diện của Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng nỗ lực của toàn thể người lao động đã góp phần giảm thiểu

tác động tiêu cực đến kết quả sản xuất kinh doanh Công ty.

- Trong suốt năm qua Công ty đã chủ động thực hiện nhiều phương thức khác nhau để hoạt động kinh doanh

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2022	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ TH2023 /TH2022	Tỷ lệ TH2023 /KH2023
1	Sản lượng tiêu thụ	1000 lít	89.317	104.000	78.030	87,36%	75,03%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.801,33	2.119,63	1.627,48	90,35%	76,78%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.750,12	2.085,50	1.602,50	91,57%	76,84%
4	Tổng số thuế phải nộp ngân sách	Tỷ đồng	1.064,10	1.213,00	931,31	87,52%	76,78%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,95	47,46	38,51	75,59%	81,14%

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Số tuyệt đối (tỷ đồng)	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	276,19	45%	386,10	59%	109,91	40%
Tài sản dài hạn	342,27	55%	270,83	41%	(71,44)	-21%
Tổng tài sản	618,46	100%	656,93	100%	38,47	6%

b. Tình hình nợ phải trả

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023		Chênh lệch	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ	Số tuyệt đối (tỷ đồng)	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	130,37	21,08%	157,10	23,91%	26,73	20,5%
Nợ dài hạn	0,49	0,08%	0,65	0,10%	0,16	32,2%

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2023 Công ty thực hiện chuyển đổi sang sơ đồ tổ chức và cơ cấu lương mới

d. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Phối hợp với Công ty thương mại và các sở ban ngành địa phương nhằm tăng tiêu thụ sản phẩm tại chỗ, giảm thiểu chi phí vận chuyển, tăng lợi nhuận.

- Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, các phần mềm quản lý sản xuất vào quá trình để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Khai thác tối ưu nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi xuất ra thị trường. Thực hiện tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn lao động gắn liền với bảo vệ môi trường.

e. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt

Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty. Vì vậy Ban giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Công ty sử dụng nước mặt của sông Đào và các nhà cung cấp nước trên địa bàn. Năm 2023, khối lượng khai thác là 307.420 m³ với lưu lượng khai thác trung bình là 842 m³/ ngày đêm.
- Năng lượng: Tiết kiệm năng lượng là một trong những yếu tố được công ty chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả, tiết giảm chi phí sản xuất, năm 2023 công ty đã thực hiện kiểm soát sử dụng năng lượng theo định mức đã đề ra. Năm 2023 công ty tiêu thụ 7,87 triệu kWh từ lưới điện.
- Hệ thống lò hơi chính của nhà máy sử dụng nhiên liệu Biomass với nguồn nguyên liệu chính là mùn cưa. Lò hơi đốt dầu chỉ sử dụng để phòng ngừa sự cố nên lượng dầu tiêu thụ là không lớn.
- Phát thải: Hệ thống xử lý chất thải (nước thải, khí thải) tại nhà máy được đầu tư đồng bộ với thiết bị công nghệ hiện đại, tiên tiến nên luôn đảm bảo chất lượng trước khi xả thải ra môi trường. Các thông số phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty đảm bảo đạt quy chuẩn cột A-QCVN 40:2011/BTNMT và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy chuẩn cột B-QCVN 19:2009/BTNMT.
- Theo giấy phép xả thải, công ty được phép xả thải tối đa 2.500 m³/ ngày đêm. Năm 2023 lưu lượng xả thải trung bình tại nhà máy khoảng 452 m³/ngày đêm, chất lượng nước thải đầu ra luôn được giám sát liên tục qua hệ thống quan trắc tự động. Việc xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận tại sông Kẻ Gai không gây tác động xấu đến mục tiêu chất lượng của nguồn nước tiếp nhận cũng như các tác động xấu khác. Công ty luôn thực hiện quản lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.
- Công ty luôn luôn thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường như bảo vệ môi trường, đóng các khoản thuế phí như: khai thác nước mặt, phí xả thải vào môi trường, phí dịch vụ tài nguyên rừng...

b. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam luôn coi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cam kết của doanh nghiệp đóng góp cho việc phát triển kinh tế bền vững, thông qua việc tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng sản phẩm... theo cách có lợi cho cả doanh nghiệp cũng như phát triển chung của xã hội.
- Bên cạnh đó, đơn vị luôn quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật đối với người lao động trong toàn đơn vị, từ đó hình thành được ý thức từ mỗi người lao động về hoạt động công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, tương thân tương ái trong cộng đồng, chung tay vì cộng đồng đây là nghĩa vụ đồng thời cũng là một nét văn hóa của CBCNV Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong thời gian qua, Công ty đã thực sự tập trung, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Không chỉ vậy, công ty còn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan rộng trách nhiệm đó đến với người lao động trong toàn đơn vị, thực hiện công tác xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao và mong muốn những cam kết, những trách nhiệm cộng đồng của công ty được phát huy và ngày càng lớn mạnh hơn nữa.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Trong thời gian qua, Ban Giám đốc và các bộ phận tham mưu đã tổ chức đánh giá, phân tích dự báo tình hình hoạt động kinh doanh theo từng tháng, quý để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc. Ban Giám đốc đã huy động có hiệu quả các nguồn lực của Công ty, kiểm tra thường xuyên hiệu quả công việc của các phòng ban để nắm bắt thông tin, có biện pháp hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời giúp cho Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất khi nền kinh tế hồi phục. Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả sử dụng vốn cao nhất. Ban Giám đốc Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban được duy trì, quản lý và điều hành Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài hạn của công ty, bám sát định hướng do SABECO đề ra để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp, phát huy năng lực sản xuất nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào, đa dạng hóa chủng loại bao bì sản phẩm, đầu tư phát triển mặt hàng mới. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa. Tăng cường công tác quản lý chi phí và quản trị rủi ro. Đánh giá, xem xét hiệu quả sử dụng vốn.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (TV.HĐQT độc lập, TV.HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Tỷ lệ sở hữu cổ phần
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch HĐQT	05/10/2023		
2	Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	TV HĐQT	12/04/2023		
3	Ông Nguyễn Hồng Anh	TV HĐQT	14/04/2022		0,111%
4	Ông Văn Thanh Liêm	TV HĐQT	14/04/2022		0,406%
5	Ông Cao Thanh Bích	TV HĐQT	14/04/2022		
6	Ông Lê Xuân Sơn	TV HĐQT	14/04/2022	12/04/2023	
7	Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch HĐQT	14/04/2022	05/10/2023	

b. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện 08 phiên họp, ban hành 32 Nghị quyết để chỉ đạo hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	Số 01/2023/NQ-HĐQT	06/01/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
2.	Số 02/2023/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua phương thức/hạn mức tín dụng tổng hợp bao gồm vay vốn luân chuyển ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và/hay vay tài trợ thương mại; mở thư bảo lãnh và/hay mở thư tín dụng vay thanh toán thư tín dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam (SASOBECO) với các Ngân hàng.	100%
3.	Số 03/2023/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua phương thức/hạn mức tín dụng tổng hợp bao gồm vay vốn luân chuyển ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và/hay vay tài trợ thương mại; mở thư bảo lãnh và/hay mở thư tín dụng vay thanh toán thư tín dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam (SASOBECO) với các Ngân hàng.	100%
4.	Số 04/2023/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua phương thức/hạn mức tín dụng tổng hợp bao gồm vay vốn luân chuyển ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và/hay vay tài trợ thương mại; mở thư bảo lãnh và/hay mở thư tín dụng vay thanh toán thư tín dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam (SASOBECO) với các Ngân hàng.	100%
5.	Số 05/2023/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua phương thức/hạn mức tín dụng tổng hợp bao gồm vay vốn luân chuyển ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và/hay vay tài trợ thương mại; mở thư bảo lãnh và/hay mở thư tín dụng vay thanh toán thư tín dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam (SASOBECO) với các Ngân hàng.	100%
6.	Số 06/2023/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua phương thức/hạn mức tín dụng tổng hợp bao gồm vay vốn luân chuyển ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và/hay vay tài trợ thương mại; mở thư bảo lãnh và/hay mở thư tín dụng vay thanh toán thư tín dụng để	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam (SASOBECO) với các Ngân hàng.	
7.	Số 07/2023/NQ-HĐQT	11/01/2023	Thông qua phương thức/hạn mức tín dụng tổng hợp bao gồm vay vốn luân chuyển ngắn hạn bổ sung vốn lưu động và/hay vay tài trợ thương mại; mở thư bảo lãnh và/hay mở thư tín dụng vay thanh toán thư tín dụng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam (SASOBECO) với các Ngân hàng.	100%
8.	Số 08/2023/NQ-HĐQT	31/01/2023	Thông qua việc điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%
9.	Số 09/2023/NQ-HĐQT	08/02/2023	Hội đồng quản trị thông qua công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2023 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam	100%
10.	Số 10/2023/NQ-HĐQT	08/02/2023	Thông qua Chính sách Phúc lợi Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam.	100%
11.	Số 11/2023/NQ-HĐQT	08/02/2023	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2022 và năm 2022.	100%
12.	Số 12/2023/NQ-HĐQT	08/03/2023	Thông qua việc huỷ danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ngày đăng ký cuối cùng 23/02/2023 của Công ty CP Bia Sài Gòn – Sông Lam.	100%
13.	Số 13/2023/NQ-HĐQT	14/03/2023	Thông qua đề xuất Ban hành Chính sách Chống tham nhũng.	100%
14.	Số 14/2023/NQ-HĐQT	14/03/2023	Thông qua điều chỉnh ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
15.	Số 15/2023/NQ-HĐQT	14/03/2023	Thông qua đề xuất Kế hoạch Đầu tư năm 2023.	100%
16.	Số 16/2023/NQ-HĐQT	14/03/2023	Thông qua tài liệu ĐHĐCC thường niên năm 2023	100%
17.	Số 17/2023/NQ-HĐQT	08/05/2023	Thông qua việc chi trả cổ tức còn lại bằng tiền mặt năm 2022.	100%
18.	Số 18/2023/NQ-HĐQT	03/06/2023	Thông qua Chính sách mua hàng hoá Dịch vụ của SASOBECO.	100%
19.	Số 19/2023/NQ-HĐQT	09/06/2023	Thông qua thành lập Tổ thẩm định thực hiện dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20.	Số 20/2023/NQ-HĐQT	09/06/2023	Thông qua Quy chế quản lý đầu tư của SASOBECO.	100%
21.	Số 21A/2023/NQ-HĐQT	10/07/2023	Đồng ý nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023	100%
22.	Số 21/2023/NQ-HĐQT	11/07/2023	Thông qua Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.	100%
23.	Số 22/2023/NQ-HĐQT	11/07/2023	Thông qua Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam.	100%
24.	Số 23/2023/NQ-HĐQT	10/08/2023	Thông qua chủ trương thực hiện Gói thầu thuê nhà thầu tư vấn lập quy hoạch chi tiết Nhà máy Bia Sài Gòn - Sông Lam công suất 250 triệu lít/năm với tỷ lệ 1/500	100%
25.	Số 24/2023/NQ-HĐQT	18/08/2023	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%
26.	Số 25/2023/NQ-HĐQT	18/08/2023	Thông qua việc thôi giữ chức vụ Quyền Giám đốc đối với ông Trần Quang Trung và bổ nhiệm ông Trung giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam kể từ ngày 01/09/2023. Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hồng Anh – Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam giữ chức vụ Giám đốc và là Người đại diện pháp luật Công ty CP Bia Sài Gòn - Sông Lam kể từ ngày 01/09/2023.	100%
27.	Số 27/2023/NQ-HĐQT	12/09/2023	Phê duyệt cơ cấu tổ chức mới của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam theo Tờ trình số 48/2023/TTr-BSGSL ngày 08/09/2023. Phê duyệt đề án triển khai cấu trúc lương mới tại Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam theo Tờ trình số 49/2023/TTr-BSGSL ngày 08/09/2023	100%
28.	Số 28/2023/NQ-HĐQT	05/10/2023	Thông nhất bầu Ông Tan Teck Chuan Lester là Chủ tịch Hội đồng quản trị	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam nhiệm kỳ 2022– 2027.	
29.	Số 28A/2023/NQ-HĐQT	21/11/2023	Đồng ý nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 Đồng ý nội dung báo cáo dòng tiền 9 tháng đầu năm 2023 Đồng ý nội dung báo cáo Đầu tư 9 tháng đầu năm 2023	100%
30.	Số 29/2023/NQ-HĐQT	05/12/2023	Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 01 “Cung cấp, lắp đặt thiết bị và xây dựng” thuộc dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng nhà nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam theo Tờ trình số 53/2023/TTr-BSGSL ngày 06/11/2023.	100%
31.	Số 30/2023/NQ-HĐQT	20/12/2023	Phê duyệt chủ trương cho phép dừng Dự án đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng năm 2014 tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông Lam theo Tờ trình số 54/2023/TTr-BSGSL ngày 30/11/2023.	100%
32.	Số 31/2023/NQ-HĐQT	20/12/2023	Phê duyệt chủ trương bán Bã hèm tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Sông lam theo Tờ trình số 55/2023/TTr-BSGSL ngày 30/11/2023.	100%

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Hoàng Thanh Vân	Trưởng Ban	1982	Cử nhân Kinh tế	0%
2	Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên	1957	Cử nhân Kinh tế	0,033%
3	Lưu Thanh Thảo	Thành viên	1987	Cử nhân Kinh tế	0%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo qui định.
- Xem xét thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**Hội đồng quản trị***Thù lao*

Ông Tan Teck Chuan Lester	32.500.000	đồng
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	54.347.220	đồng
Ông Nguyễn Hồng Anh	91.000.000	đồng
Ông Văn Thanh Liêm	91.000.000	đồng
Ông Cao Thanh Bích	91.000.000	đồng
Ông Lê Xuân Sơn	36.652.780	đồng
Ông Neo Gim Siong Bennett	97.500.000	đồng

Ban giám đốc

Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác 1.643.152.409 đồng

Ban kiểm soát*Thù lao*

Hoàng Thanh Vân	91.000.000	đồng
Nguyễn Thanh Thủy	52.000.000	đồng
Nguyễn Phương Thảo	52.000.000	đồng

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT TP HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2023	01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng mua nguyên vật liệu, giá trị: 554,88 tỷ đồng. Bán hàng hoá: 226.5 triệu đồng.
2	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT TP HCM	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2023	01/2023/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng hợp tác sản xuất. Giá trị: 1621,12 tỷ đồng
3	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2023	Hợp đồng số 1810/2023/HDDV ngày	Hợp đồng dịch vụ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
			Sở KHĐT TPHCM/			18/10/23; Hợp đồng số 2809/2023/HDDV ngày 28/09/23	208,22 triệu đồng
4	Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	Công ty mẹ	0300583659 18/05/2020 Sở KHĐT TPHCM/	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP.HCM	Năm 2023	17/2023/NQ-HĐQT	Thanh toán cổ tức: 21,7 tỷ đồng
5	Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong hệ thống sabeco	0303140574 21/01/2015 Sở KH&ĐT TP. HCM/	12 Đông Du, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh	Năm 2023	Hợp đồng số 08/2023/Sat-raco-BSLA	Mua hàng hóa 5.585,55 triệu đồng
6	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	Công ty trong hệ thống sabeco	3001650260 Sở KHĐT Hà Tĩnh/	Km 12 đường tránh Thành phố Hà Tĩnh, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Hà Tĩnh	Năm 2023	Hợp đồng số 0701/HĐ/BSGHT-BSGSL kí ngày	Mua hàng hóa 178,3 triệu đồng
7	Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn- Quảng Ngãi	Công ty trong hệ thống sabeco	4300338460 thay đổi lần thứ 5 ngày 17/04/2023 Sở KH&ĐT Quảng Ngãi/	Khu Công Nghiệp Quảng Phú, Thành Phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2023	Hợp đồng số 52/HĐ/BSGQN-SL	Mua hàng hóa 303,2 triệu đồng
8	Công Ty CP Rượu Bình Tây	Công ty trong hệ thống sabeco	302262756 7/10/2005 Sở KH&ĐT TP. HCM	621 Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, Tp HCM	Năm 2023	Hợp đồng số 21/2023/RB-T-BSG	Mua hàng hóa 32,4 triệu đồng
9	Cty TNHH Một thành viên Cơ khí SABECO	Công ty trong hệ thống sabeco	0305816177 Đăng ký lần đầu 17/04/2008, thay đổi lần 2 31/03/2016 Sở KH&ĐT TP. HCM	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP. HCM	Năm 2023		Mua hàng hoá, dịch vụ 877,5 triệu đồng Bán hồ sơ mời thầu 1,85 triệu đồng
10	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Công ty trong hệ thống sabeco	2900740071 20/03/2006 Sở KH&ĐT Nghệ An	Khu công nghiệp nhỏ Đông Vĩnh, Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Nghệ An	Năm 2023		Mua hàng hóa 1.156,1 triệu đồng
11	Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Công ty trong hệ thống sabeco	4300338326 16/03/2006 Sở KH&ĐT TP. Đà Nẵng	Số 07 Đường số 1, Khu Công nghiệp An Đôn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng,	Năm 2023		Mua hàng hóa 82,6 triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
12	Công ty Cổ Phần Đầu tư Thái Bình	Công ty liên quan đến người nội bộ		Số 5A Xa lộ Xuyên Á, P.An Bình, TP Dĩ An, Bình Dương	Năm 2023	17/2023/NQ-HĐQT	Thanh toán cổ tức: 1,2 tỷ đồng

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị như:
 - + Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán;
 - + Các thông tư, quy định về quản trị Công ty, về hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - + Các văn bản luật có liên quan khác;
- Công ty đã cụ thể hoá các quy định về quản trị các quy định nội bộ bao gồm Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS;
- Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc cung cấp và công bố thông tin chính xác và kịp thời. Đó là trách nhiệm của HĐQT và Ban điều hành.

VI. Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN: 
- Lưu: Công ty. 

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIAM ĐỐC CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA
SÀI GÒN ĐÔNG LAM**

H. HUNG NGUYỄN-T. NGHỆ AN

Nguyễn Hồng Anh



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2703001077
2900783332

ngày 20 tháng 12 năm 2006
ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester
Ông Gim Siong Bennett
Ông Văn Thanh Liêm
Ông Cao Thanh Bích
Ông Nguyễn Hồng Anh
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa
Ông Lê Xuân Sơn

Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 10 năm 2023)
Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 10 năm 2023)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)
Thành viên (đến ngày 11 tháng 4 năm 2023)

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân
Bà Nguyễn Thanh Thùy
Bà Lưu Thanh Thảo

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Anh
Ông Nguyễn Hồng Anh
Ông Trần Quang Trung
Ông Trần Quang Trung

Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 9 năm 2023)
Phó Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 8 năm 2022)
Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 8 năm 2023)
Phó Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 9 năm 2023)

Trụ sở đăng ký

Khối 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 8 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-04-00006-24-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		386.099.782.224	276.187.913.856
Tiền	110	5	28.575.511.984	12.088.325.307
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		249.717.653.857	170.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	249.717.653.857	170.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.794.167.861	21.823.109.067
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.594.478.260	18.590.371.409
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		213.671.266	494.483.984
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.986.018.335	2.738.253.674
Hàng tồn kho	140	9(a)	64.250.105.470	71.295.102.101
Hàng tồn kho	141		64.721.231.901	73.890.581.525
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(471.126.431)	(2.595.479.424)
Tài sản ngắn hạn khác	150		762.343.052	981.377.381
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		390.653.530	194.497.587
Thuế phải thu Nhà Nước	153		371.689.522	786.879.794
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		270.832.526.428	342.271.108.044
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		257.971.838.666	334.804.812.602
Tài sản cố định hữu hình	221	10	257.970.046.559	334.744.528.125
Nguyên giá	222		1.293.531.539.850	1.292.457.074.877
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.035.561.493.291)	(957.712.546.752)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.792.107	60.284.477
Nguyên giá	228		303.930.000	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(302.137.893)	(243.645.523)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.041.157.990	608.539.091
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	4.041.157.990	608.539.091
Tài sản dài hạn khác	260		8.789.529.772	6.827.756.351
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	708.114.502	438.264.601
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.294.335.615	2.097.593.536
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	5.787.079.655	4.291.898.214
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		656.932.308.652	618.459.021.900

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		154.067.624.035	130.864.353.223
Nợ ngắn hạn	310		153.416.993.635	130.372.353.223
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.204.745.318	13.056.304.277
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	102.171.228.035	82.433.183.476
Phải trả người lao động	314		2.341.137.385	3.019.163.701
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	7.753.698.596	7.258.976.376
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.180.877.501	21.086.703.133
Vay ngắn hạn	320	18	17.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.765.306.800	3.518.022.260
Nợ dài hạn	330		650.630.400	492.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	320.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		150.630.400	172.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		502.864.684.617	487.594.668.677
Vốn chủ sở hữu	410	20	502.864.684.617	487.594.668.677
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.348.488.602	31.078.472.662
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.728.844.825	12.340.122.372
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.619.643.777	18.738.350.290
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		656.932.308.652	618.459.021.900

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	809.156.113.830	865.290.976.459
Giá vốn hàng bán	11	26	762.442.770.131	795.840.317.643
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		46.713.343.699	69.450.658.816
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.292.458.835	5.306.395.334
Chi phí tài chính	22		735.786.303	59.068.493
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		735.786.303	59.068.493
Chi phí bán hàng	25		-	1.198.892.633
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	17.405.844.312	23.218.914.892
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		42.864.171.919	50.280.178.132
Thu nhập khác	31		45.203.693	670.557.000
Chi phí khác	32		711.685.880	2.803.925
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(666.482.187)	667.753.075
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.197.689.732	50.947.931.207
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	9.094.788.034	10.499.818.129
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(196.742.079)	(56.854.378)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.299.643.777	40.504.967.456
Lãi trên cổ phiếu				(điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	658	799

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	42.197.689.732	50.947.931.207
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	77.907.438.909	78.375.630.609
Các khoản dự phòng	03	962.340.798	776.771.894
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(14.292.458.835)	(5.306.395.334)
Lãi từ tài sản cố định đã xóa sổ	05	562.500.000	-
Chi phí lãi vay	06	735.786.303	59.068.493
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	108.073.296.907	124.853.006.869
Biến động các khoản phải thu	09	(19.809.446.111)	(1.103.982.115)
Biến động hàng tồn kho	10	4.566.104.792	(18.514.093.568)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	19.356.439.177	(4.363.371.462)
Biến động chi phí trả trước	12	(466.005.844)	1.593.065.918
		111.720.388.921	102.464.625.642
Tiền lãi vay đã trả	14	(739.641.097)	(26.849.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.609.026.273)	(15.025.911.105)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.282.343.297)	(3.244.457.207)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	102.089.378.254	84.167.408.015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.244.583.872)	(2.568.744.813)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(228.000.000.000)	(230.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	156.897.534.247	110.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	4.515.658.048	3.258.614.511
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71.831.391.577)	(119.310.130.302)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	310.000.000.000	35.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(293.000.000.000)	(35.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(30.770.800.000)	(30.596.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.770.800.000)	(30.596.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	16.487.186.677	(65.739.322.287)
Tiền đầu năm	60	12.088.325.307	77.827.647.594
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	28.575.511.984	12.088.325.307

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 179 nhân viên (1/1/2023: 186 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền**

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	622.640.007	508.744.930
Tiền gửi ngân hàng	27.952.871.977	11.579.580.377
	<hr/>	<hr/>
	28.575.511.984	12.088.325.307

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 5,2% một năm (1/1/2023: từ 5,0% đến 6,0% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	38.028.310.220	18.091.890.776
Các khách hàng khác	566.168.040	498.480.633
	<hr/>	<hr/>
	38.594.478.260	18.590.371.409

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	38.028.310.220	18.091.890.776
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay phải thu	3.884.998.291	2.723.385.608
Ký quỹ	15.000.000	5.000.000
Khác	86.020.044	9.868.066
	<hr/>	<hr/>
	3.986.018.335	2.738.253.674
	<hr/>	<hr/>

9. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	130.840.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	24.375.349.346	-	23.748.527.120	-
Công cụ và dụng cụ	1.944.494.833	(471.126.431)	5.514.840.350	(2.595.479.424)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.788.120.304	-	26.127.799.460	-
Thành phẩm	16.482.427.418	-	18.499.414.595	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	64.721.231.901	(471.126.431)	73.890.581.525	(2.595.479.424)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.595.479.424	2.331.916.025
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(232.534.311)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng dài hạn	(1.891.818.682)	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	263.563.399
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	471.126.431	2.595.479.424
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	16.615.631.304	(10.828.551.649)	12.012.386.472	(7.720.488.258)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	7.720.488.258	7.207.279.763
Dự phòng trích lập trong năm	1.216.244.709	513.208.495
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.891.818.682	-
Số dư cuối năm	10.828.551.649	7.720.488.258

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.048.389.953.268	7.650.541.526	11.276.865.214	1.702.052.507	1.292.457.074.877
Tăng trong năm	-	800.014.973	-	274.450.000	-	1.074.464.973
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.049.189.968.241	7.650.541.526	11.551.315.214	1.702.052.507	1.293.531.539.850
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	99.952.410.606	838.472.504.898	7.433.719.290	10.210.840.471	1.643.071.487	957.712.546.752
Khấu hao trong năm	10.659.012.283	66.578.149.959	87.999.996	487.673.531	36.110.770	77.848.946.539
Số dư cuối năm	110.611.422.889	905.050.654.857	7.521.719.286	10.698.514.002	1.679.182.257	1.035.561.493.291
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	123.485.251.756	209.917.448.370	216.822.236	1.066.024.743	58.981.020	334.744.528.125
Số dư cuối năm	112.826.239.473	144.139.313.384	128.822.240	852.801.212	22.870.250	257.970.046.559

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 22.683 triệu VND (1/1/2023: 18.280 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	243.645.523
Khấu hao trong năm	58.492.370
Số dư cuối năm	302.137.893
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	60.284.477
Số dư cuối năm	1.792.107

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 204 triệu VND (1/1/2023: 92 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	608.539.091	608.539.091
Tăng trong năm	3.995.118.899	-
Xóa sổ	(562.500.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.041.157.990	608.539.091

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nâng cấp hệ thống ghép mí mắt Ferrum	1.619.694.341	-
Nâng cấp hệ thống rửa chai	1.897.599.514	-
Khác	523.864.135	608.539.091
	<hr/>	<hr/>
	4.041.157.990	608.539.091

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	135.053.931	303.210.670	-	438.264.601
Tăng trong năm	-	224.949.097	430.946.023	655.895.120
Phân bổ trong năm	(135.053.931)	(230.157.955)	(20.833.333)	(386.045.219)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	298.001.812	410.112.690	708.114.502

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.111.323.284	5.277.517.281
Công ty TNHH Thịnh Đức	2.387.320.000	-
Công ty TNHH Kronos Việt Nam	1.851.505.040	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	766.513.900	1.081.141.303
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Xuân Hòa	-	1.562.896.716
Các nhà cung cấp khác	6.088.083.094	5.134.748.977
	16.204.745.318	13.056.304.277

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	5.111.323.284	5.277.517.281
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	126.694.600	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	46.656.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	36.717.463	411.820.229
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Hà Tĩnh	-	71.982.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	-	42.129.878

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	31/12/2023 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	73.664.234.675	818.229.044.009	(804.797.343.688)	-	87.095.934.996
Thuế giá trị gia tăng	8.729.981.595	162.475.050.823	(99.728.857.966)	(60.124.871.517)	11.351.302.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.094.788.034	(4.609.026.273)	(786.879.794)	3.698.881.967
Thuế thu nhập cá nhân	38.967.206	893.514.038	(907.373.107)	-	25.108.137
Thuế khác	-	1.433.182.739	(1.433.182.739)	-	-
	82.433.183.476	992.125.579.643	(911.475.783.773)	(60.911.751.311)	102.171.228.035

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	4.252.204.586	4.256.059.380
Chi phí xây dựng	1.934.399.990	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	1.567.094.020	1.068.517.006
	7.753.698.596	7.258.976.376

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải trả	3.391.500.000	20.662.300.000
Ký quỹ đã nhận	535.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	254.377.501	424.403.133
	4.180.877.501	21.086.703.133

18. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2023
	1/1/2023	Hoàn trả	Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ
	Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	310.000.000.000 (293.000.000.000)	17.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh không có bảo đảm, và chịu lãi suất 2,9%/năm (2022: không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.518.022.260	5.725.217.159
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	3.680.000.000	3.706.202.662
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	849.627.837	(2.668.940.354)
Sử dụng trong năm	(4.282.343.297)	(3.244.457.207)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.765.306.800	3.518.022.260

Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	450.000.000.000	6.516.196.015	40.928.092.876	497.444.288.891
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.504.967.456	40.504.967.456
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(49.500.000.000)	(49.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.706.202.662)	(3.706.202.662)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	2.668.940.354	2.668.940.354
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(60.414.504)	(60.414.504)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	243.089.142	243.089.142
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	33.299.643.777	33.299.643.777
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.680.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

22. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022. Sau khi trừ cổ tức tạm ứng năm 2022 số tiền 18.000 triệu VND, Hội Đồng Quản Trị của Công ty ngày 8 tháng 5 năm 2023 đã thông qua chia cổ tức còn lại 13.500 triệu VND (tương đương 300 VND/cổ phiếu) (2022: 49.500 triệu VND (tương đương 1.100 VND/cổ phiếu)) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 và 2021).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	37.480.990.250	38.720.031.250
	<hr/>	<hr/>
	43.676.195.250	44.915.236.250
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2023	2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	802.893.469.981	858.649.497.816
▪ Doanh thu khác	6.262.643.849	6.641.478.643
	<hr/>	<hr/>
	809.156.113.830	865.290.976.459
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	746.275.405.795	783.965.283.437
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	983.710.398	776.771.894
▪ Giá vốn khác	15.183.653.938	11.098.262.312
	<hr/>	<hr/>
	762.442.770.131	795.840.317.643
	<hr/>	<hr/>

27. Doanh thu tài chính

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	14.292.458.835	5.306.395.334
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	8.822.472.727	10.354.121.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.038.557.856	4.301.230.937
Chi phí khấu hao	852.976.153	973.101.590
Thiết bị văn phòng	272.315.410	363.920.384
Thuế, phí và lệ phí	40.181.109	1.279.212.209
Chi phí quản lý khác	4.379.341.057	5.947.328.492
	<hr/>	<hr/>
	17.405.844.312	23.218.914.892
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	612.228.985.685	670.017.818.434
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.907.438.909	78.375.630.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.097.166.773	38.029.195.918
Chi phí nhân công và nhân viên	33.722.424.706	33.199.154.783
Chi phí khác	7.777.565.690	11.111.415.134

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	9.022.779.598	10.499.818.129
Dự phòng thiếu trong những năm trước	72.008.436	-
	9.094.788.034	10.499.818.129
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(196.742.079)	(56.854.378)
	8.898.045.955	10.442.963.751

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023	2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.197.689.732	50.947.931.207
Thuế theo thuế suất của Công ty	8.439.537.946	10.189.586.241
Chi phí không được khấu trừ thuế	386.499.573	253.377.510
Dự phòng thiếu trong những năm trước	72.008.436	-
	8.898.045.955	10.442.963.751

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023 VND	2022 VND (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	33.299.643.777	40.504.967.456
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(3.680.000.000)	(3.706.202.662)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	(849.627.837)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	29.619.643.777	35.949.136.957

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại thành 799 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 818 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023	2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.621.122.513.990	1.794.654.957.590
Bán nguyên vật liệu	226.478.513	-
Mua nguyên vật liệu	555.215.450.994	609.888.640.620
Cổ tức được công bố	9.285.000.000	34.045.000.000
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	21.665.000.000
Bán dịch vụ	208.223.527	410.612.031
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Chi phí sử dụng vỏ chai	367.642.829	1.177.411.105
Phí sử dụng thùng	5.217.906.783	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	178.250.000	821.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hoá	1.156.057.110	461.575.720
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	356.656.652	596.892.822
Mua nguyên vật liệu	418.168.780	-
Mua dịch vụ	902.677.000	354.096.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	32.364.000	118.600.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	303.200.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hoá	82.604.780	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán hàng hóa	-	61.183.333
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	-	156.353.203

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán hàng hóa	-	34.300.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Bán dịch vụ	-	766.032.852
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.132.420.868	1.991.611.886
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	32.500.000	-
Ông Gim Siong Bennett – Chủ tịch	97.500.000	130.000.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Võ Hải Thanh – Thành viên	-	24.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	36.652.780	67.000.000
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	54.347.220	-
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2023 VND	2022 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	-	175.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi được vốn hóa vào tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	8.615.188.104	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 8 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp includes: 'M.S.D.N: 290071' at the top, 'CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - SÔNG LAM' in the center, and 'H. HUNG NGUYEN' at the bottom. There are two stars on either side of the company name.

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc



